

DANH SÁCH TRẢ HỒ SƠ GỐC HỌC VIÊN THI 25.03.2026

TT	Họ và tên	Ngày Sinh	Số GPLX	Hạng	Kết quả xác thực
1	NGUYỄN NGỌC AN	1978-12-12	480262008725	B	Hợp lệ
2	TRẦN THỊ NGUYỆT ANH	1998-11-29	421171003049	B.01	Hợp lệ
3	TRẦN VĂN BẢO	1997-01-30	480150006556	B	Hợp lệ
4	PHAN THỊ CẨM CHÂU	1981-06-29	481268011906	B.01	Hợp lệ
5	NGUYỄN NHẬT CHIẾN	2000-02-27	480269008722	B	Hợp lệ
6	PHAN NGỌC CHUNG	2002-01-08	480238011324	B	Hợp lệ
7	LÊ QUỐC CƯỜNG	1995-08-20	480268008721	B	Hợp lệ
8	NGUYỄN THỊ HỒNG DIỄM	2005-11-12	491246002617	B	Hợp lệ
9	HẦU THỊ PHƯƠNG DUNG	1999-09-04	481264011902	B.01	Hợp lệ
10	PHẠM NGỌC DUY	1996-01-21	670149004647	B	Hợp lệ
11	NGUYỄN MẬU HÀO	1993-10-24	790166151277	B	Hợp lệ
12	LÊ VIỆT HÒA	2000-08-26	480267008711	B.01	Hợp lệ
13	LƯU VĨ HOÀNG	2004-08-07	480221015054	B	Hợp lệ
14	ĐÀO QUỐC HÙNG	2003-08-31	460215010588	B	Hợp lệ
15	TRẦN QUANG HUY	2000-05-25	450187002953	B	Hợp lệ
16	NGUYỄN VĂN TIẾN HƯNG	2005-06-15	480241009275	B	Hợp lệ
17	LÊ ĐỨC HUY KHANG	2006-11-15	480267008702	B	Hợp lệ
18	DƯƠNG TUẤN ANH KHOA	2002-08-03	480207010732	B	Hợp lệ
19	VÕ ĐỨC LẬP	2006-01-22	660240012397	B	Hợp lệ
20	NGUYỄN THỊ LIÊN	1986-12-13	481144009917	B.01	Hợp lệ
21	TRẦN GIA LINH	2006-11-02	481267011888	B.01	Hợp lệ
22	TRƯƠNG THỊ THANH MAI	1995-04-10	481139013071	B.01	Hợp lệ
23	TRẦN THANH MINH	1985-01-20	480057484040	B	Hợp lệ
24	ĐÀO THỊ MỸ	1987-01-28	481263011884	B	Hợp lệ
25	TRẦN PHƯƠNG NAM	1998-03-04	480217005179	B	Hợp lệ
26	VÕ TRẦN THANH NHÃ	2004-10-12	481239006717	B	Hợp lệ
27	NGUYỄN THỊ NHUNG	1992-02-10	481264011876	B.01	Hợp lệ
28	HUYỀN MINH PHÚ	2006-10-16	510240010421	B.01	Hợp lệ
29	LÊ THANH PHỤ	1993-10-04	480263008681	B	Hợp lệ
30	NGUYỄN VĂN PHÚC	1999-01-02	490175000996	B	Hợp lệ
31	NGUYỄN TẤN PHƯỚC	1989-01-06	480260008679	B	Hợp lệ

DANH SÁCH TRẢ HỒ SƠ GỐC HỌC VIÊN THI 25.03.2026

TT	Họ và tên	Ngày Sinh	Số GPLX	Hạng	Kết quả xác thực
32	NGUYỄN VĂN PHƯỚC	1989-11-12	480262008680	B	Hợp lệ
33	PHAN THỊ PHƯƠNG THẢO	1996-02-18	491147005265	B.01	Hợp lệ
34	TRẦN VĂN THẮNG	2001-06-05	460190008345	B	Hợp lệ
35	NGÔ TẤN THỊNH	2007-03-17	480262008662	B	Hợp lệ
36	PHAN ĐỨC THỊNH	1994-02-15	490184002479	B	Hợp lệ
37	LÊ NGÔ THÙY TRANG	2002-11-13	441212007283	B	Hợp lệ
38	NGUYỄN THỊ HUYỀN TRANG	1993-06-10	481129487905	B.01	Hợp lệ
39	NGUYỄN MINH TRIẾT	2006-09-27	480251000507	B	Hợp lệ
40	NGUYỄN NGỌC ANH TÚ	1994-02-03	480153007611	B	Hợp lệ
41	PHẠM ĐẶNG ANH TUẤN	2004-05-17	400226017820	B	Hợp lệ
42	PHAN THỊ THANH TUYỀN	2003-01-07	481235008450	B.01	Hợp lệ
43	NGUYỄN THỊ TUYẾT	2001-11-20	481267011851	B	Hợp lệ
44	NGUYỄN THỊ ÁNH VÂN	1999-01-13	511172005129	B.01	Hợp lệ
45	VÕ THỊ ANH VŨ	1991-12-04	481263011848	B.01	Hợp lệ